

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

1. Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 04 năm 2026.**2. Địa điểm:** Phòng họp tầng 24, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.**3. Nội dung Đại hội:**

- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- Tờ trình thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025;
- Báo cáo về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026;
- Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).

4. Thành phần tham dự Đại hội: Các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông vào ngày **27/03/2026**, là thời điểm chốt Danh sách cổ đông dự họp theo Thông báo của HĐQT.**5. Ghi chú:**

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

(1) Thư mời họp; (2) Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu; (3) Giấy ủy quyền (nếu nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

- Các tài liệu của cuộc họp được đăng tải trên website: <https://dbvi.com.vn/thong-bao-moi-hop-va-cong-bo-tai-lieu-hop-dhdc-d-thuong-nien-2026.html>

Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội hoặc các đóng góp ý kiến về cuộc họp trước ngày **22/04/2026** qua fax hoặc email.

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự trang trải.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
Người liên hệ: Ông Nguyễn Quang Đức

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình
Nghệ, Yên Hòa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6 276.5555/ DD: 0974.08.9876
Fax: (024) 6 276 5556 ; Email: ducnq@dbvi.com.vn

Trân trọng thông báo!**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Lê Tuấn Dũng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

Kính gửi: Ban Tổ chức họp ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Tên cá nhân/Tổ chức:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: do..... cấp ngày...../...../.....

(*) Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu: CP (*Bằng chữ:* CP)

Xác nhận sẽ đến tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ngày 24/04/2026 (đánh dấu X vào ô chọn) ☐

hoặc ủy quyền cho người khác (đánh dấu X vào ô chọn) ☐

Ủy quyền cho Ông (bà) có tên dưới đây:

Họ tên:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:do..... cấp ngày...../...../.....

Số cổ phần ủy quyền:

Được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại kỳ họp ĐHĐCĐ tương ứng với số cổ phần đã ủy quyền. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi công việc được thực hiện xong.
Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Người nhận ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

✓



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

2 Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, Số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội

☎ 1900 96 96 90

🌐 www.dbvi.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Thời gian tổ chức: 13 giờ 30 phút, Ngày 24 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Phòng họp Tầng 24, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
13h00-13h30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu
13h30-13h40	Ổn định tổ chức, khai mạc Đại hội
13h40-13h45	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
13h45 -14h00	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu– Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội
14h00-15h00	<p>Trình bày các tờ trình và Báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none">– Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;– Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;– Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;– Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;– Báo cáo tình hình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026;– Tờ trình thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025;– Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;– Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).
15h00-15h15	<ul style="list-style-type: none">– Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề.– Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề xin ý kiến
15h15-15h30	<ul style="list-style-type: none">– Nghỉ giải lao– Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết
15h30- 15h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung
15h45 – 16h00	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội.– Tuyên bố bế mạc Đại hội.

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG
HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV (HĐQT) xin trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP đạt khoảng 8,02%, trong khi thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận mức tăng trưởng 10,6%, tuy nhiên đi kèm với đó là áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, chi phí bồi thường cao và yêu cầu quản trị rủi ro ngày càng chặt chẽ.

Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban Điều hành đã triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh và quản trị, qua đó đạt được các kết quả nổi bật:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 4.261 tỷ đồng, tăng 44,1% so với năm 2024, hoàn thành 92,3% kế hoạch

- Doanh thu tài chính đạt 171,3 tỷ đồng, hoàn thành 93,8% kế hoạch

- Lợi nhuận trước thuế đạt 40,9 tỷ đồng, hoàn thành 102,2% kế hoạch

- Lợi nhuận sau thuế đạt 32,9 tỷ đồng, hoàn thành 102,8% kế hoạch, tăng 285,3% so với năm trước

- DBV tăng 01 bậc thị phần, từ vị trí thứ 10 lên thứ 9 toàn thị trường.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đã đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật. Các quyết sách quan trọng nhận được sự đồng thuận cao, là tiền đề quan trọng để DBV tiếp tục phát triển bền vững.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT, và tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết các yêu cầu của công việc. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định; các Biên bản cuộc họp được lập đảm bảo đúng hình thức, nội dung, và có đầy đủ xác nhận của các thành viên HĐQT tham dự họp.

Các kết quả nổi bật theo định hướng của HĐQT:

(1) Tăng trưởng gắn với tái cấu trúc

- Triển khai các dự án cải tiến toàn diện: sản phẩm, tái bảo hiểm, bồi thường, quản trị chi phí

✓



- Từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng, không chỉ mở rộng quy mô

(2) Chuyển đổi mô hình vận hành và mở rộng mạng lưới

- Thành lập mới 47 đơn vị, nâng tổng số lên 105 đơn vị
- Tái cấu trúc hệ thống vận hành, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng

(3) Phát triển kênh và hệ sinh thái

- Triển khai kênh VnPost, đóng góp 142 tỷ đồng doanh thu
- Đa dạng hóa kênh phân phối, giảm phụ thuộc vào kênh truyền thống

(4) Chuyển đổi số và quản trị dữ liệu

- Triển khai hệ thống MyDBV phục vụ bán hàng và bồi thường
- Ứng dụng Power BI trong quản trị điều hành

(5) Nâng cao năng suất và hiệu quả

- Năng suất lao động đạt 2.050 triệu đồng/người/năm, tăng 21,5%. Đặc biệt trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển đổi nhận diện thương hiệu mới DBV kể từ tháng 5/2025, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn. Việc tái định vị thương hiệu không chỉ dừng lại ở thay đổi hình ảnh, mà còn gắn liền với định hướng nâng cao năng lực quản trị, chuẩn hóa hoạt động theo thông lệ quốc tế và tăng cường trải nghiệm khách hàng. HĐQT đã chỉ đạo sát sao quá trình triển khai, đảm bảo việc chuyển đổi được thực hiện đồng bộ trên toàn hệ thống. Qua đó, DBV đã từng bước xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp bảo hiểm hiện đại, chuyên nghiệp và có năng lực cạnh tranh cao hơn trên thị trường

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Điều hành:

Hoạt động của Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành tuân thủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật. HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát các hoạt động của Ban Điều hành, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT, từ đó hỗ trợ cho việc điều hành và quản lý Công ty nhằm nâng cao hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2025:

Công ty chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác cho thành viên HĐQT theo đúng phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025, theo kết quả kinh doanh và thời gian thực tế đảm chức vụ của từng thành viên HĐQT. Chi tiết thù lao, chi phí hoạt động khác của từng thành viên HĐQT chuyên trách và không chuyên trách được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được DBV công bố.

4. Điểm hạn chế:

Bên cạnh những kết quả khả quan đạt được, HĐQT đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Chưa triển khai thực sự hiệu quả mảng quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

- Cơ cấu doanh thu còn phụ thuộc khá nhiều vào bán lẻ với sản phẩm chủ đạo là Xe cơ giới, chưa thực sự đa dạng kênh và sản phẩm. Trong năm 2026, DBV sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực để phát triển thêm nhiều các kênh, đối tác, đa dạng hóa sản phẩm, hướng tới phát triển bền vững và hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2026 CỦA HĐQT

Năm 2026 được dự báo là giai đoạn tăng trưởng đi kèm với quá trình sàng lọc mạnh mẽ trên thị trường, khi nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao với GDP kỳ vọng trên 10%. Đồng thời, khung pháp lý trong lĩnh vực bảo hiểm ngày càng hoàn thiện và siết chặt theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị rủi ro và minh bạch hoạt động. Bên cạnh đó, cạnh tranh trong ngành đang có sự chuyển dịch rõ rệt từ yếu tố giá sang năng lực công nghệ và trải nghiệm khách hàng. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định DBV bằng việc thay đổi nhận diện thương hiệu sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới, tập trung vào tăng trưởng có chọn lọc, kiểm soát rủi ro và nâng cao chuẩn mực quản trị. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Trước những cơ hội và thách thức đó, DBV quyết tâm thực hiện mục tiêu: Tăng trưởng – Hiệu quả với mục tiêu lọt TOP 4 công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu; duy trì hoạt động đầu tư thực hiện theo hướng an toàn, hiệu quả; cơ chế, chính sách điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với thị trường; mở rộng đa kênh phân phối, đa dạng hóa sản phẩm. Theo đó, các chỉ tiêu chính năm 2026 như sau:

- ✓ Tổng doanh thu gốc và nhận tái bảo hiểm: 6,273 tỷ đồng, trong đó:
 - + Doanh thu bảo hiểm gốc: 6,200 tỷ đồng;
 - + Doanh thu nhận tái: 73 tỷ đồng;
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính: 202 tỷ đồng;
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 44 tỷ đồng.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành thực hiện các công việc sau:

(1) Tái cấu trúc mô hình tăng trưởng

- Giảm phụ thuộc vào xe cơ giới
- Tăng tỷ trọng bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp, trách nhiệm

(2) Nâng cao hiệu quả và kiểm soát rủi ro

- Kiểm soát tỷ lệ bồi thường
- Tăng cường quản trị chi phí và ngân sách

(3) Tối ưu hệ thống tổ chức và mạng lưới

- Tái cấu trúc đơn vị kinh doanh
- Chuẩn hóa quản lý và phân vùng thị trường

(4) Đẩy mạnh chuyển đổi số

- Phát triển hệ thống Core bảo hiểm
- Ứng dụng dữ liệu và AI trong kinh doanh và bồi thường

(5) Phát triển hệ sinh thái và kênh phân phối

- Mở rộng các kênh khai thác như Banca, VnPost, các đối tác chiến lược

- Phát triển bảo hiểm số, bảo hiểm nhúng.

Với tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết tâm bứt phá, HĐQT cam kết sẽ chỉ đạo sát sao, giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh để DBV hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, nâng cao thứ hạng trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

HĐQT DBV xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành của Quý cổ đông và cam kết tiếp tục nỗ lực để đưa DBV phát triển ngày càng mạnh mẽ, bền vững.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.



BÁO CÁO

V/v: kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua, Hội đồng quản trị báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và định hướng cho năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

1. Tổng quan môi trường kinh doanh năm 2025

1.1. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với các yếu tố rủi ro như căng thẳng thương mại, chính sách thuế quan và biến động tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam đạt được một số kết quả tích cực, tiếp nối đà tăng trưởng cao của năm 2024:

- Duy trì tăng trưởng cao trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động:

Năm 2025, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 8.02%. Quy mô nền kinh tế đạt 514 tỷ USD tăng 38 tỷ USD so với năm 2024, khẳng định vị thế là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh trong khu vực.

- Ổn định vĩ mô được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát:

Lạm phát tiếp tục được kiểm soát trong mục tiêu, với CPI bình quân năm 2025 là 3,3%, duy trì ổn định so với năm 2024. Chính sách tiền tệ được điều chỉnh linh hoạt, góp phần hỗ trợ tăng trưởng và ổn định thị trường.

- Xuất khẩu tiếp tục là động lực chính nhưng chịu rủi ro từ yếu tố bên ngoài (thuế quan, suy giảm thương mại toàn cầu)

+ Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đều tăng trên 16%.

+ Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục là các đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.

- Cầu nội địa và đầu tư công trở thành động lực bổ sung quan trọng

+ Tiêu dùng cuối cùng tăng gần 8% cho thấy nhu cầu nội địa phục hồi tốt

+ Tích lũy tài sản và đầu tư toàn xã hội tăng mạnh (8,68%) là động lực cho tăng trưởng

+ Dòng vốn FDI duy trì ổn định, tiếp tục đóng vai trò quan trọng cho nền kinh tế.

Tuy nhiên nền kinh tế cũng đối mặt với một số thách thức:

- Rủi ro từ căng thẳng thương mại quốc tế và chính sách bảo hộ

- Áp lực lên xuất khẩu và chuỗi cung ứng

- Yêu cầu nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng

1.2. Tác động tới thị trường bảo hiểm phi nhân thọ 2025

Trong bối cảnh kinh tế năm 2025 duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định vĩ mô, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục ghi nhận sự phục hồi, đồng thời chịu tác động đan xen từ cả yếu

tổ thuận lợi và thách thức

- **Tác động tích cực:**

+ **Gia tăng đầu tư và FDI là động lực quan trọng thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm: công trình xây dựng, dự án năng lượng, nhà máy, khu công nghiệp**

+ **Cầu tiêu dùng cải thiện:** Thu nhập và chi tiêu của người dân tăng góp phần thúc đẩy bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe đặc biệt tại khu vực đô thị và nhóm khách hàng trung lưu.

- **Các yếu tố thách thức:**

+ **Cạnh tranh ngày càng gay gắt:** Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục đối mặt với cạnh tranh về giá, gia tăng chi phí hoa hồng gây áp lực lên biên lợi nhuận và hiệu quả khai thác

+ **Gia tăng rủi ro bồi thường:** Rủi ro thiên tai diễn biến phức tạp và mức độ tổn thất gia tăng đặc biệt ở nghiệp vụ xe cơ giới và tài sản làm gia tăng tỷ lệ bồi thường.

+ **Áp lực quản lý công nợ và dòng tiền:** Trong bối cảnh doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn, tình trạng chậm thanh toán phí và kéo dài công nợ làm ảnh hưởng đến chất lượng doanh thu và dòng tiền của doanh nghiệp bảo hiểm.

+ **Yêu cầu quản trị rủi ro và tuân thủ cao hơn:** Khung pháp lý trong lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tăng cường minh bạch, quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị và hệ thống dữ liệu.

Từ các yếu tố trên, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025, hình thành một số xu hướng chính:

- Tăng trưởng có chọn lọc, chú trọng hiệu quả

- Gia tăng cạnh tranh nhưng cũng mở ra cơ hội tái cấu trúc

- Đòi hỏi cao hơn về năng lực quản trị, dữ liệu và kiểm soát rủi ro

1.3. Số liệu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ 2025

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng tốt, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 88.2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 10.6% so với năm 2024.

DVT: tỷ đồng

STT	Nghệp vụ	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ trọng	Tăng trưởng
1	Bảo hiểm sức khỏe	28,668	31,670	35.9%	10.5%
2	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	21,556	23,884	27.1%	10.8%
3	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3,207	3,373	3.8%	5.2%
4	Bảo hiểm xe cơ giới	19,008	21,003	23.8%	10.5%
5	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	3,358	3,794	4.3%	13.0%
6	Bảo hiểm trách nhiệm	1,913	2,352	2.7%	22.9%
7	Khác	2,043	2,118	2.4%	3.7%
	Tổng cộng	79,349	88,194	100.0%	10.6%

Xét về thị phần, PVI tiếp tục dẫn đầu thị trường về quy mô doanh thu. Các DNBH: Bảo Việt, Bảo Minh, MIC, BIC bị thu hẹp thị phần đáng kể trước đà bứt phá của các doanh nghiệp nhóm dưới. DBV cải thiện một bậc xếp hạng so với năm 2024 (từ thứ 10 lên thứ 9).

ĐVT: % tỷ đồng

DNBH	Phí BH gốc 2025	Phí BH gốc 2024	Xếp hạng 2025	Xếp hạng 2024	Tăng trưởng 2025	Thị phần 2025	Thị phần 2024
PVI	14,908	13,351	1	1	11.66%	16.90%	16.74%
BAO VIET	11,107	10,424	2	2	6.55%	12.59%	13.07%
BAO MINH	6,018	6,000	3	3	0.30%	6.82%	7.52%
MIC	5,414	5,045	4	4	7.32%	6.14%	6.33%
BIC	5,119	4,871	5	5	5.08%	5.80%	6.11%
OPES	4,840	2,631	6	11	83.97%	5.49%	3.30%
VBI	4,796	4,172	7	7	14.94%	5.44%	5.23%
PJICO	4,575	4,396	8	6	4.07%	5.19%	5.51%
DBV	4,182	2,895	9	10	44.44%	4.74%	3.63%
PTI	3,756	4,010	10	8	-6.32%	4.26%	5.03%
ABIC	2,626	2,301	11	13	14.09%	2.98%	2.89%
BSH	2,406	3,115	12	9	-22.73%	2.73%	3.91%
AAA	1,958	1,541	13	14	27.10%	2.22%	1.93%
MSIG	1,830	1,379	14	15	32.70%	2.07%	1.73%
GIC	1,636	2,447	15	12	-33.14%	1.86%	3.07%
TASCO	1,572	956	16	19	64.38%	1.78%	1.20%
BAO LONG	1,434	1,354	17	16	5.91%	1.63%	1.70%
LPBI	1,169	1,036	18	18	12.88%	1.33%	1.30%
SSVN	1,074	1,172	19	17	-8.40%	1.22%	1.47%
UIC	1,043	948	20	20	9.96%	1.18%	1.19%
Còn lại	6,733	5,709			17.93%		
Tổng cộng	88,195	79,753			10.58%		

2. Kết quả kinh doanh năm 2025 của DBV

2.1. Các chỉ tiêu tài chính:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% 2025/2024
1	Tổng tài sản	5,114,872	5,852,981	114.34%
2	Vốn chủ sở hữu	1,108,073	1,140,971	102.97%
3	Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ BH thuần	1,452,156	1,956,568	134.74%
4	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	2,958,091	4,261,434	144.06%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	15,517	40,899	263.58%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	11,533	32,899	285.27%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	329	286.09%
8	Biên khả năng thanh toán	158%	134%	-20.0%

2.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch được giao năm 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH2025/ KH2025	% TH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	2,958,091	4,619,000	4,261,434	92.3%	144.1%
1.1	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	2,894,894	4,550,000	4,181,636	91.9%	144.4%
1.2	Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	63,197	69,000	79,798	115.6%	126.3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	149,745	181,000	171,338	94.7%	114.4%
3	Lợi nhuận trước thuế	15,517	40,000	40,899	102.2%	263.6%
4	Lợi nhuận sau thuế	11,533	32,000	32,899	102.8%	285.3%

2.3. Tình hình bổ sung các Quỹ dự phòng nghiệp vụ

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 31/12/2024	Thực hiện năm 2025	Lũy kế đến 31/12/2025
1	Dự phòng phí BH thuần	996,046	416,350	1,412,396
2	Dự phòng dao động lớn	114,132	-6,493	107,639
3	Dự phòng bồi thường BH thuần	341,978	94,555	436,533
	Tổng cộng	1,452,156	504,412	1,956,568

3. Đánh giá kết quả năm 2025

- Năm 2025, DBV cải thiện xếp hạng về thị phần phí bảo hiểm trên thị trường BH phi nhân thọ từ vị trí thứ 10 lên thứ 9, với tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 4,182 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch, tăng trưởng 44.4% tương đương 1,287 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024, trong đó:

- Nghiệp vụ Bảo hiểm xe cơ giới vẫn là mảng nghiệp vụ chính đóng góp vào tổng doanh thu, chiếm tỷ trọng 62.8%. DBV tiếp tục duy trì vị trí số 1 thị trường về bảo hiểm Xe cơ giới với quy mô phí gấp 1,3 lần so với doanh nghiệp xếp vị trí thứ 2 (Bảo Việt).

- Nghiệp vụ bảo hiểm TSKT về thứ hạng được cải thiện tốt, tăng 03 bậc so với năm 2024.

3.1. Các điểm đạt được

Cùng với việc tăng trưởng quy mô doanh thu, DBV còn chú trọng phát triển theo chiều sâu, bền vững và tập trung vào hiệu quả và chất lượng dịch vụ

- Triển khai dự án cải tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh kinh doanh của DBV:

+ Tiến hành các dự án cải tiến trên toàn bộ các lĩnh vực: Phát triển sản phẩm mới XCG - Tái thiết kế chương trình tái bảo hiểm - Cải tiến quy trình xử lý bồi thường - Cải tiến công tác quản trị ngân sách và quản lý chi phí - Xây dựng, cải tiến hệ thống đào tạo.

+ Triển khai và thực hiện dự án số hóa, xây dựng cải tiến hệ thống quy trình làm việc phối hợp giữa các phòng/ban tại trụ sở chính và đơn vị thành viên.

- **Truyền thông thương hiệu và chăm sóc khách hàng:**
+ Hoàn tất công tác chuyển đổi và nhận diện thương hiệu mới DBV vào đầu tháng 7/2025
+ Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đặc biệt ở BH XCG rút ngắn thời gian giải quyết.

- **Vận hành và tổ chức mạng lưới:** Thực hiện tái cấu trúc, hoàn tất các thủ tục nhân sự, hành chính, pháp lý cho việc thành lập mới 47 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 105 đơn vị, mở rộng khả năng cung cấp các sản phẩm đến gần hơn với khách hàng.

- **Phát triển kênh bán:** Thực hiện ký kết hợp tác và phát triển mới kênh Vnpost trong năm 2025, doanh thu phí bảo hiểm đạt được 142 tỷ đồng

- **Cải thiện năng suất lao động:** Năm 2025, NSLĐ bình quân đạt 2,050 triệu đồng /người/năm, tăng 21.5% so với 2024;

- **Công nghệ và dữ liệu:**
+ Tiếp tục xây dựng và triển khai hệ thống MyDBV phục vụ công tác bán hàng, bồi thường làm nền tảng phát triển hệ thống Core bảo hiểm.

+ Số hóa và ứng dụng hệ thống báo cáo Power BI vào công tác quản trị điều hành.

3.2. Hạn chế, tồn tại:

- **Chưa hoàn thành KHKD về doanh thu theo ĐHĐCĐ thường niên 2025 đề ra:**

Tỷ lệ hoàn thành KHKD 2025 về doanh thu: 92%. Nguyên nhân: do việc sát nhập địa giới hành chính tại Việt Nam diễn ra vào cuối tháng 6/2025 dẫn tới các thủ tục hành chính kéo dài làm chậm tiến độ thành lập các đơn vị mới (tới T10/2025 mới thực hiện xong thay vì T7/2025 như kế hoạch). Dẫn đến doanh thu các đơn vị mới 2025 còn chậm, đạt 763 tỷ, thấp hơn 400 tỷ so với kế hoạch đề ra.

- **Tỷ lệ bồi thường BH vật chất xe ô tô cao:**

Tỷ lệ bồi thường vật chất xe ô tô năm 2025 của DBV ở mức 68%, tương đương tỷ lệ bồi thường BH vật chất xe ô tô năm 2024, cao hơn tỷ lệ bồi thường mục tiêu 5%. Nguyên nhân:

Khách quan:

+ Ảnh hưởng của các sự kiện bão lũ làm tác động tăng 7% đối với tỷ lệ bồi thường vật chất xe ô tô trong năm 2025, tương đương gần 100 tỷ chi phí bồi thường.

Chủ quan:

+ Đối với các đơn vị mới thành lập, tỷ lệ khai thác dòng xe hiệu quả thấp (35%/DT BH vật chất xe, tỷ lệ này đối với nhóm đơn vị cũ là 45%)

+ Chưa có kho giá phụ tùng và việc kiểm soát chi phí sơn còn thủ công.

+ Chưa có hệ thống KPI rõ ràng cho GDV.

Giải pháp:

+ Tiếp tục ban hành các chính sách thúc đẩy nhóm xe hiệu quả;

+ Kiểm soát khai thác và bồi thường đối với nhóm xe không hiệu quả, tập trung đối với dòng xe chở người không kinh doanh dưới 400 triệu đồng: điều chỉnh phí và cơ chế khai thác.

+ Xây dựng kho giá phụ tùng, tận dụng lợi thế quy mô vị thế số 1 về BH xe cơ giới để đàm phán tối ưu chi phí bồi thường;

+ Ứng dụng CNTT để kiểm soát chi phí sửa chữa và hạng mục thay thế, đồng nhất kho giá và kiểm soát tự động;

+ Thiết lập quy trình, KPIs cho từng khâu đến khi thanh toán bồi thường cho khách hàng;

+ Thu xếp chương trình tái bảo hiểm để phòng ngừa cho rủi ro thảm họa, thiên tai đối với BH xe cơ giới.

- **Cạnh tranh nội bộ:** Mạng lưới đơn vị kinh doanh rộng, nhưng phân bố địa bàn và phân cấp quản lý khai thác chưa rõ ràng, dẫn tới tồn tại các trường hợp cạnh tranh nội bộ không lành mạnh.

Giải pháp:

- + Mở rộng phạm vi công việc của bộ phận quản lý mạng lưới của DBV,
- + Tiếp tục thực hiện đánh giá và tái cơ cấu đối với các đơn vị kinh doanh;
- + Ban hành và vận hành quy định cạnh tranh nội bộ.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Biến động môi trường kinh doanh và xu hướng ngành (đối thủ cạnh tranh)

1.1. Biến động môi trường vĩ mô 2026: "Tăng trưởng trong sự sàng lọc"

- **Kinh tế phục hồi mạnh mẽ:** Với dự báo GDP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, mục tiêu 2026 trên 10%, nhu cầu bảo hiểm cho các tài sản lớn (Hàng hải, Tài sản kỹ thuật) và hạ tầng đầu tư công sẽ tăng cao. Tuy nhiên, áp lực lạm phát và chi phí phụ tùng/y tế tăng sẽ đẩy chi phí bồi thường lên mức cao mới.

- **Sự bùng nổ của Kinh tế số:** Thương mại điện tử tiếp tục là động lực cho bảo hiểm Logistics và giao nhận. Tuy nhiên, rủi ro an ninh mạng (Cyber Risk) trở thành mối đe dọa thường trực cho các doanh nghiệp đang lưu trữ lượng lớn dữ liệu khách hàng.

1.2. Xu hướng ngành và Đối thủ cạnh tranh: "Cuộc soán ngôi của các doanh nghiệp nhóm dưới"

- **Sự thu hẹp thị phần tại nhóm dẫn đầu:** Các "ông lớn" truyền thống (Bảo Việt, Bảo Minh, MIC, BIC) đang có dấu hiệu chậm lại trong việc thích ứng với các thay đổi nhanh chóng của thị trường, dẫn đến sự dịch chuyển thị phần sang các doanh nghiệp nhóm dưới năng động hơn.

- **Cạnh tranh bằng Công nghệ thay vì Phí:** Thị trường đang chuyển dịch từ cuộc đua giảm phí (vốn dẫn đến lỗ kỹ thuật) sang cuộc đua về **Trải nghiệm khách hàng**.

+ Các đối thủ đang đầu tư mạnh vào **Giám định bồi thường tự động** qua hình ảnh AI để rút ngắn thời gian xử lý.

+ Sử dụng dữ liệu hành vi (Big Data) để cá nhân hóa phí bảo hiểm, đặc biệt là trong nghiệp vụ Xe cơ giới.

- **Kênh Bancassurance tái cấu trúc:** Sau giai đoạn thanh tra gắt gao, kênh Banca trong năm 2026 sẽ chuyển sang mô hình "Tư vấn thực chất". Các doanh nghiệp có quy trình phối hợp chặt chẽ, minh bạch với ngân hàng sẽ chiếm ưu thế so với cách làm dàn trải trước đây.

1.3. Cơ hội chiến lược cho DBV

- **Rủi ro từ các nghiệp vụ truyền thống:** Nghiệp vụ BH Xe máy đang suy giảm toàn thị trường từ quý 3/2025. Điều này đòi hỏi phải dịch chuyển nguồn lực sang các nghiệp vụ có dư địa tăng trưởng tốt hơn như **Bảo hiểm sức khỏe** và **Bảo hiểm trách nhiệm**.

- **Xu hướng Cá nhân hóa:** Nhu cầu của khách hàng năm 2026 không chỉ còn giới hạn ở các sản phẩm "đóng gói sẵn". Cơ hội nằm ở việc thiết kế các sản phẩm bảo hiểm linh hoạt, cho phép khách hàng lựa chọn quyền lợi bảo hiểm ngay trên ứng dụng di động.

- **Bảo hiểm xanh & ESG:** Phát triển các sản phẩm bảo hiểm cho xe điện (EV) hoặc các dự án năng lượng tái tạo. Đây là mảng thị trường mới và ít đối thủ cạnh tranh trực tiếp, đồng thời phù hợp với xu hướng cam kết Net-zero của Chính phủ.

- **Tận dụng hệ sinh thái đối tác:** Chuyển dịch từ phương thức khai thác khách hàng truyền thống sang mô hình **Bảo hiểm nhúng (Embedded Insurance)**; thực hiện tích hợp sâu các giải pháp bảo hiểm vào hành trình trải nghiệm của người dùng trên các nền tảng thương mại điện tử và hệ sinh thái bán lẻ quy mô lớn thông qua kết nối API đồng bộ.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Một số chỉ tiêu chính:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	%KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	4,261,434	6,273,000	147.2%
	<i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	4,181,636	6,200,000	148.3%
	<i>Doanh thu nhận tái bảo hiểm</i>	79,798	73,000	91.5%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	169,764	202,000	119.0%
3	Lợi nhuận trước thuế	40,899	55,000	134.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	32,899	44,000	133.7%

Chiến lược kinh doanh và các giải pháp triển khai năm 2026:

- **Thực hiện chiến lược tăng trưởng khác biệt theo từng kênh:**

+ Kênh Banca: Đảm bảo sự khác biệt bằng cách phát triển sản phẩm bảo hiểm sức khỏe lấy khách hàng làm trọng tâm;

+ Kênh Vnpost: Cải tiến hệ thống đào tạo/hỗ trợ. Tăng trưởng quy mô doanh thu bằng cách thúc đẩy bán bảo hiểm con người bên cạnh BH xe cơ giới;

+ Kênh Showroom/Garage: Tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ sau bán hàng để tăng sự hài lòng của điểm bán tạo lợi thế cạnh tranh.

+ Tăng cường hoạt động marketing liên kết để phát triển các kênh mới có chất lượng cao.

- **Rà soát lại cơ chế vận hành tổ chức nhằm nâng cao năng suất của đơn vị:**

+ Sửa đổi chính sách, chỉ số quản lý và hệ thống đào tạo theo định hướng nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng;

+ Cải tiến cơ chế quản lý đơn vị và vận hành chương trình tư vấn cho các đơn vị hoạt động kém hiệu quả;

- **Thúc đẩy, tối ưu hóa hệ thống đơn vị của DBV:**

+ Tinh gọn cơ cấu tổ chức đơn vị thông qua vận hành bộ phận chuyên trách hỗ trợ các nghiệp vụ chung cho toàn hệ thống đơn vị

+ Thực hiện tái cấu trúc đơn vị để cải thiện hiệu quả vận hành

- **Tăng tỷ trọng sản phẩm hiệu quả thông qua đa dạng hóa danh mục sản phẩm:**

+ Tăng cường năng lực kinh doanh bảo hiểm khách hàng doanh nghiệp: tập trung các dự án lớn năng lượng, giao thông, quốc phòng... và bảo hiểm con người: xây dựng giỏ sản phẩm bán lẻ qua ngân hàng, công ty Insurtech.

+ Phân tích hiệu quả theo sản phẩm/kênh để tái cấu trúc mô hình kinh doanh kém hiệu quả

- **Tăng cường giám sát lập ngân sách chi phí kinh doanh và việc thực hiện chi phí:**

+ Rà soát tính hợp lý trong quá trình lập ngân sách


+ Thiết lập và vận hành quy trình theo dõi – giám sát việc thực hiện chi phí theo từng quy mô ngân sách

- **Thúc đẩy tăng cường năng lực cạnh tranh về công nghệ thông tin, đầu tư công nghệ thông tin có trọng tâm:**

- + Tiếp tục phát triển, cải thiện hệ thống Core, số hóa quy trình cấp đơn - thu phí - bồi thường
- + Phát triển và số hóa các hệ thống nghiệp vụ chính (nhân sự, kế toán, Call Center...)

Trước bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, môi trường kinh doanh còn nhiều biến động và cạnh tranh khốc liệt, mục tiêu kinh doanh năm 2026 đề ra là một thách thức rất lớn, tuy nhiên, Ban Lãnh đạo sẽ cùng toàn thể CBNV DBV nỗ lực hết mình, đoàn kết, cùng chia sẻ, chủ động, thẳng thắn, quyết liệt, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra: Thúc đẩy chiến lược tăng trưởng để tiến vào Top 4, xây dựng DBV trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp.

Trân trọng báo cáo!

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng” 

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT..

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành, Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của BKS giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 – 2026 và phương hướng hoạt động trong kỳ tới như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Một số thông tin cơ bản về kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCD 2025 (tỷ đồng)	Thực hiện 2025 (tỷ đồng)	%TH/NQ (%)
1.	Tổng Doanh thu phí bảo hiểm	4.619	4.262	92
-	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	4.550	4.182	92
-	Doanh thu nhận tái bảo hiểm	69	80	116
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	179	171	96
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40	41	103
4.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32	33	103

Kết quả kinh doanh chi tiết năm 2025 của Công ty được thể hiện đầy đủ tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và được Công ty công bố thông tin công khai tại website: <http://dbvi.com.vn>

PHẦN II

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 KỲ ĐHCD 2025-2026

1. Các cuộc họp Ban Kiểm soát

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và các trao đổi bằng email, hình thức khác để xem xét, thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng, bao gồm:

- Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 – 2026.
- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Xem xét các nội dung liên quan đến công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ.

• Rà soát các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc khắc phục của Ban Điều hành.

• Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Các hoạt động kiểm tra, giám sát

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát đã triển khai các hoạt động giám sát theo chức năng và nhiệm vụ được giao, tập trung vào các nội dung sau:

Giám sát hoạt động quản trị và điều hành

Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ.

Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Ban Kiểm soát đã phối hợp với các bộ phận chức năng để:

• Rà soát bước đầu hệ thống kiểm soát nội bộ trong các quy trình trọng yếu như kinh doanh bảo hiểm, bồi thường, tài chính kế toán và quản lý đầu tư.

• Theo dõi việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.

• Đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường cơ chế kiểm soát đối với các lĩnh vực có rủi ro cao.

Tham dự các cuộc họp hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty và thực hiện chức năng giám sát độc lập.

PHẦN III

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong kỳ báo cáo, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết và quyết định quan trọng nhằm định hướng hoạt động của Công ty theo đúng chiến lược và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

• Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

• Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Ban Điều hành đã chủ động triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tập trung vào:

• Phát triển thị trường và mở rộng hệ thống kinh doanh.

• Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nghiệp vụ.

• Cải tiến quy trình bồi thường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành về cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tuy nhiên, Công ty cần tiếp tục:

- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.
- Tăng cường kiểm soát trong các nghiệp vụ có rủi ro cao.
- Đẩy mạnh số hóa quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu chi phí.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty.

Báo cáo tài chính năm của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập và phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của Công ty theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Ban Kiểm soát cũng theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao chất lượng quản trị tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ.

4. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban Điều hành

Trong kỳ báo cáo, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Các ý kiến và kiến nghị của Ban Kiểm soát được xem xét trong quá trình quản trị và điều hành Công ty.

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra đặc biệt nào từ cổ đông.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, được hưởng lương, thưởng và chế độ phúc lợi khác theo quy định của Công ty và 02 thành viên còn lại được hưởng thù lao theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua (Số liệu chi tiết thể hiện trên Báo cáo tình hình chi trả thù lao HĐQT, BKS và Báo cáo tài chính năm 2025).

Các kiểm soát viên hoạt động độc lập, không tham gia điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và tuân thủ các quy định về tính độc lập theo quy định pháp luật.

Trong kỳ báo cáo:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định.
- Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các cuộc họp quản trị khi được mời, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Ban Kiểm soát đã đưa ra nhiều ý kiến và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng và môi trường cạnh tranh ngày càng cao, Ban Kiểm soát nhận thấy cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động

giám sát, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, kiểm soát nghiệp vụ bảo hiểm và quản lý tài chính.

PHẦN V

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 KỲ ĐHĐCĐ 2026-2027

Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát dự kiến tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tăng cường giám sát hệ thống quản trị rủi ro

- Theo dõi việc xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.
- Giám sát việc thiết lập khẩu vị rủi ro và hệ thống chỉ số cảnh báo rủi ro.
- Thúc đẩy việc hoàn thiện mô hình quản trị theo nguyên tắc ba tuyến phòng thủ.

2. Giám sát các lĩnh vực có rủi ro cao

Ban Kiểm soát sẽ tập trung giám sát các hoạt động trọng yếu của Công ty, bao gồm:

- Công tác bồi thường bảo hiểm
- Công tác quản lý hàng thu hồi sau bồi thường
- Quản lý đầu tư và dòng tiền
- Quản lý công nợ và thu hồi công nợ

3. Thẩm định Báo cáo tài chính

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty.
- Giám sát hoạt động kiểm toán độc lập.

4. Nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ

- Theo dõi việc hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ.
- Khuyến nghị các giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ và minh bạch thông tin.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên và kế hoạch hoạt động của BKS, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Thay mặt BKS tôi xin kính chúc các Quý vị đại biểu, Quý Cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Ban tổ chức Đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Cao Thu Hiền

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH

Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025 như sau:

		Đơn vị: đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	40,898,557,408
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,999,904,787
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32,898,652,621
4	Kế hoạch trích lập các quỹ	1,644,932,631
	- Quỹ dự trữ bắt buộc (5% LNST)	1,644,932,631
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-
5	Trích thưởng HĐQT, BKS, BDH	-
6	Lợi nhuận sau trích lập các quỹ (3-4-5)	31,253,719,990
7	Lợi nhuận để lại các năm trước	92,155,990,942
8	Tổng LN để lại không chia cổ tức (6+7)	123,409,710,932

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như trên, theo đó thống nhất không chia cổ tức nhằm giữ lại nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của DBV.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ./.

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng."

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT, BKS
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BẢO HIỂM
DBV
P. YÊN HÒA - T. P. HÀ NỘI
Lê Tuấn Dũng

Số: 04/2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

*V/v: tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025
và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về tình hình chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2025

1. Tổng thù lao đã chi trả cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách nhiệm kỳ còn lại 2023 – 2028 (không bao gồm thuế TNCN), cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Số tháng hưởng trong năm 2025	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	12.000.000	12	144.000.000
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	7.000.000	8	56.000.000
3	Ngô Hồng Minh	Thành viên BKS	7.000.000	4	28.000.000
4	Phạm Thu Lan	Thành viên BKS	7.000.000	4	28.000.000
TỔNG:					256.000.000
<i>Bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng./.</i>					

2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ toàn thời gian không hưởng thù lao mà hưởng thu nhập chuyên trách theo mức do HĐQT quyết định.
3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát người Hàn Quốc không hưởng thù lao.

II. PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2026

1. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được hưởng thù lao. Mức thù lao được hưởng như sau:

- Thành viên Hội đồng Quản trị: 15.000.000 VNĐ/tháng (Chưa bao gồm thuế TNCN)

- Thành viên Ban Kiểm soát: 8.000.000 VNĐ/tháng (Chưa bao gồm thuế TNCN)
- Trường hợp Bà Phạm Thu Lan, vừa là Thành viên Ban Kiểm soát, vừa là người lao động được hưởng lương theo quy chế lương, thưởng của DBV thì mức thù lao được hưởng bằng 3.000.000 VNĐ/tháng (Chưa bao gồm thuế TNCN)

2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ toàn thời gian không hưởng thù lao mà hưởng thu nhập chuyên trách. Mức thu nhập này do HĐQT quyết định.

3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát người Hàn Quốc không hưởng thù lao.

4. Thời gian áp dụng: 01/01/2026 – 31/12/2026.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ TUẤN DŨNG



Số: 04 /2026/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ danh sách các doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (viết tắt là **"DBV"**), như sau:

1. Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4. Công ty TNHH PwC Việt Nam (PwC)
5. Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
6. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
7. Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
8. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
9. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
10. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)

Đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho DBV và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán được lựa chọn. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát chất lượng cuộc kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Ban tổ chức Đại hội.





**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV,

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (sau đây gọi tắt là Công ty).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông Công Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV tại thời điểm ngày **27/03/2026** (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- a) Cổ đông hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi tắt là người được ủy quyền) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Giấy tờ pháp lý của cổ đông, người được ủy quyền;
 - Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người, tổ chức khác nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn có ý kiến thảo luận phải ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi đã được phát kèm cùng các tài liệu của Đại hội và chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

f) Các cổ đông, người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu; Chủ tịch đoàn là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình hoặc ủy quyền cho người khác trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền

49
CÔNG
PHÁP
BẢO
HỂM
DBV

dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký đại hội gồm 02 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;
- b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;
- c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết.

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu, ủy quyền và đại diện), mã số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua quy chế tổ chức Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch,

Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu; Thông qua Biên bản đại hội và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: **tán thành, không tán thành, không có ý kiến**)

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **tán thành, hoặc không tán thành, hoặc không có ý kiến** một vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Thẻ biểu quyết không hợp lệ là các thẻ:

– Thẻ biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV phát hành và không có dấu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

– Thẻ biểu quyết không ghi đầy đủ các nội dung như: Mã số cổ đông; Tên cổ đông/đại diện cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết; Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện; Tổng số cổ phần nhận ủy quyền (trong trường hợp nhận ủy quyền).

e) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

– Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV phát hành và không có dấu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

– Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.

– Phiếu sửa chữa, gạch xóa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn.

– Phiếu điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

– Phiếu Biểu Quyết rách rời không còn nguyên vẹn, Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

f) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết.

3. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 4 Chương, 10 Điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Dũng





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Địa chỉ: Tầng 25 Toà nhà Vinacomin, số 3 Đường Đinh Nghệ, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội

<https://dbvi.com.vn> | ☎ 1900 96 96 90

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Dùng cho Cổ đông/đại diện cổ đông có mặt trực tiếp
Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

Tên cổ đông/Đại diện cổ đông:

Mã số phiếu:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV ("DBV", "Công ty") như sau:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026			
2	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026			
3	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026			
4	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán			
5	Thông qua Tờ trình về phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025			
6	Thông qua Báo cáo về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026			
7	Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến".
- Phiếu hợp lệ là phiếu có trả lời cụ thể theo các lựa chọn trên.
- Phiếu không hợp lệ là:
 - + Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV phát hành và không có dấu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.
 - + Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.
 - + Phiếu sửa chữa, gạch xóa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn.
 - + Phiếu điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.
 - + Phiếu Biểu Quyết rách rời không còn nguyên vẹn, Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

Hà Nội, Ngày 24 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)





CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (DBV) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 24/04/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 01/2026/BC-HĐQT ngày 01/4/2026 của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 02/2026/BC-HĐQT ngày 01/4/2026 về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 01/2026/BC-BKS ngày 01/4/2026 của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT ngày 01/4/2026 của HĐQT về phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2025.

Điều 6: Thông qua Báo cáo số 04/2026/TTr-HĐQT ngày 01/4/2026 của HĐQT về tình hình chi trả thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 04/2026/TTr-BKS ngày 01/4/2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 8: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.”

Nơi nhận:

- Cổ đông DBV;
- Như Điều 9;
- Lưu VT.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Lê Tuấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH
v/v thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ giấy phép số 49/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC43/KDBH ngày 06/5/2025 về thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 06/03/2026 của HĐQT v/v Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 gồm các Ông/Bà có tên như sau:

- Bà Đặng Thị Mai Hương	Giám đốc Ban PC&KSNB	Trưởng Ban
- Bà Đinh Thị Trinh	Trưởng phòng Phân tích nghiệp vụ Ban PTUD	Thành viên
- Ông Phạm Trần Doanh	Chuyên viên Ban PC&KSNB	Thành viên

Điều 2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có nhiệm vụ:

- Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Lập và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, đảm bảo tính trung thực, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.

Sau khi Đại hội được tổ chức thành công, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ tự động giải thể.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và các Ban/ Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TVHĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPCT.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
(Trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không)



(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tuấn Dũng	Chủ tịch
Ông Đoàn Kiên	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Ông Nghiêm Xuân Thái	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên
Ông Kim Jong Uk	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Ông Yang Young Un	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nghiêm Xuân Thái	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Huy Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tào Thị Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hồng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2025)
Ông Vũ Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Ông Park Han Woong	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Ông Ngô Hồng Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)
Bà Phạm Thu Lan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Số: 0888 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

A blue ink signature of Phạm Huy Bắc.

Phạm Huy Bắc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5197-2026-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4.542.069.523.864	4.840.900.856.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	439.713.406.426	258.225.643.573
1. Tiền	111		439.713.406.426	258.225.643.573
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.907.957.288.821	2.544.408.470.667
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.908.680.163.821	2.545.402.807.169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(722.875.000)	(994.336.502)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		629.986.238.536	630.767.817.796
1. Phải thu của khách hàng	131	7	540.424.808.508	539.679.699.361
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		501.928.844.083	499.080.866.740
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		38.495.964.425	40.598.832.621
2. Trả trước cho người bán	132		24.310.162.708	51.066.086.045
3. Các khoản phải thu khác	135	8	107.434.364.958	81.676.946.161
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(42.183.097.638)	(41.654.913.771)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.275.776.752	116.992.327.855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	156.037.821.188	104.099.649.464
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		135.359.445.321	87.328.824.876
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		20.678.375.867	16.770.824.588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.237.955.564	12.892.678.391
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	17	1.403.136.813.329	1.290.506.596.618
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		786.221.895.024	511.193.292.062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		616.914.918.305	779.313.304.556
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.310.911.941.342	273.970.939.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.406.326.984	15.591.266.363
1. Phải thu dài hạn khác	218		25.406.326.984	15.591.266.363
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7.000.000.000	7.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		18.406.326.984	8.591.266.363
II. Tài sản cố định	220		8.223.816.600	4.610.507.686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.183.043.880	2.268.509.978
- Nguyên giá	222		14.398.270.057	13.094.832.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.215.226.177)	(10.826.322.897)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.131.996.720	2.341.997.708
- Nguyên giá	228		7.171.964.959	7.171.964.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.039.968.239)	(4.829.967.251)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.908.776.000	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.201.490.729.237	171.990.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.201.490.729.237	171.990.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		75.791.068.521	81.779.165.845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	75.791.068.521	81.779.165.845
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.852.981.465.206	5.114.871.796.403

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.712.010.223.602	4.006.799.207.420
I. Nợ ngắn hạn	310		4.691.946.968.667	3.976.698.295.868
1. Vay ngắn hạn	311	13	289.000.000.000	200.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		581.815.868.320	687.688.111.945
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	570.707.885.613	646.661.465.894
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		11.107.982.707	41.026.646.051
3. Người mua trả tiền trước	313		121.692.297.639	114.315.710.008
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	75.002.102.485	21.170.310.060
5. Phải trả người lao động	315		129.227.185.502	95.321.679.799
6. Chi phí phải trả	316		2.176.503.881	1.335.890.110
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	22.366.653.845	20.422.596.108
8. Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	319.1	16	110.358.211.214	92.703.862.451
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		602.912.158	1.077.112.158
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	3.359.705.233.623	2.742.663.023.229
10.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		2.198.618.231.805	1.507.239.388.714
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		1.053.447.628.929	1.121.291.354.972
10.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		107.639.372.889	114.132.279.543
II. Nợ dài hạn	330		20.063.254.935	30.100.911.552
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000	1.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	338		20.062.254.935	30.099.911.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.140.971.241.604	1.108.072.588.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.140.971.241.604	1.108.072.588.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		17.561.530.672	15.916.598.041
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.409.710.932	92.155.990.942
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.852.981.465.206	5.114.871.796.403

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	381.367.850.415	223.320.419.099
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	4.186.121,66	4.594.057,27
Euro	EUR	31,28	31,10

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	3.102.403.559.119	2.356.140.451.956
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	171.337.878.129	149.744.852.235
3. Thu nhập khác	13	1.115.483.091	1.022.802.482
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	2.768.575.294.250	2.173.530.762.957
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	18.069.424.567	3.708.978.574
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	445.304.837.801	312.787.731.772
7. Chi phí khác	24	2.008.806.313	1.363.921.134
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	40.898.557.408	15.516.712.236
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.999.904.787	3.984.090.192
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	32.898.652.621	11.532.622.044
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	329	115

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1 + 01.2 - 01.3)	01	19	3.570.055.458.096	2.794.191.068.906
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		4.181.635.941.863	2.894.894.387.944
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		79.798.359.324	63.196.693.183
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		691.378.843.091	163.900.012.221
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1 - 02.2)	02	20	1.252.812.527.556	1.085.396.710.213
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.527.841.130.518	1.010.454.415.251
- Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		275.028.602.962	(74.942.294.962)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		2.317.242.930.540	1.708.794.358.693
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		785.160.628.579	647.346.093.263
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	21	231.969.363.669	236.186.954.051
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		553.191.264.910	411.159.139.212
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		3.102.403.559.119	2.356.140.451.956
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		1.445.568.462.792	1.048.561.742.896
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.455.495.942.595	1.053.524.236.657
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		9.927.479.803	4.962.493.761
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		539.693.763.295	383.926.644.837
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(67.843.726.043)	654.618.293.809
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(162.398.386.251)	525.820.280.309
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	1.000.429.359.705	793.433.111.559
11 (Giảm)/Tăng dự phòng dao động lớn	16		(6.492.906.654)	(4.523.633.341)
Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn			34.000.000.000	24.000.000.000
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	1.774.638.841.199	1.384.621.284.739
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		214.919.565.981	152.924.187.273
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		1.559.719.275.218	1.231.697.097.466
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		2.768.575.294.250	2.173.530.762.957
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		333.828.264.869	182.609.688.999

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	171.337.878.129	149.744.852.235
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	18.069.424.567	3.708.978.574
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		153.268.453.562	146.035.873.661
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	445.304.837.801	312.787.731.772
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		41.791.880.630	15.857.830.888
20. Thu nhập khác	31		1.115.483.091	1.022.802.482
21. Chi phí khác	32		2.008.806.313	1.363.921.134
22. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(893.323.222)	(341.118.652)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.898.557.408	15.516.712.236
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	7.999.904.787	3.984.090.192
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		32.898.652.621	11.532.622.044
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	329	115



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.360.750.282.069	3.325.770.534.659
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.263.298.160.816)	(2.635.902.453.471)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(580.396.506.914)	(387.957.130.998)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8.737.851.575)	(536.782.053)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.222.239.940)	(3.125.960.719)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	84.193.732.769	60.033.830.874
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(300.286.683.275)	(224.934.912.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	289.002.572.318	133.347.125.394
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.188.650.483)	(323.197.396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	282.236.752	6.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.761.156.330.792)	(3.059.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	2.398.730.298.147	1.864.000.000.000
5. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	4.730.448.300	801.770.047.960
6. Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	160.407.992.978	118.851.621.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(198.194.005.098)	(274.695.073.642)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	489.000.000.000	200.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(400.000.000.000)	-
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.899.051)	(8.624.915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	88.998.100.949	199.991.375.085
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	179.806.668.169	58.643.426.837
Tiền đầu năm	60	258.225.643.573	199.243.849.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.681.094.684	338.367.399
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	439.713.406.426	258.225.643.573



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không, được thành lập và hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy phép kinh doanh số 49/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 4 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 49/GPĐC43/KDBH ngày 06 tháng 5 năm 2025.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là DB Insurance Co., Ltd (gọi tắt là “DB Insurance”), sở hữu 75% vốn của Tổng Công ty.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC15/KDBH, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC43/KDBH, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.113 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.770 người).

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty như sau:

- Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm gốc;
- Kinh doanh tái bảo hiểm; và
- Hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội và 105 đơn vị thành viên trực thuộc gồm 102 chi nhánh và 03 văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Giá trị hợp lý của tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Với các khoản chứng khoán, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm phương pháp giá thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư sau khi điều chỉnh lại theo chính sách kế toán của Công ty (nếu có) và các thông tin liên quan mà Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán, giấy phép/chứng nhận bản quyền phần mềm, phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. *Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí kinh doanh chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.*

Chi phí kinh doanh chờ phân bổ của nghiệp vụ bảo hiểm được phân bổ tương ứng phần doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán và tỷ lệ dựa trên đánh giá xu hướng doanh thu khai thác được từ dịch vụ sử dụng.

Chính sách kế toán đối với các chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần “Ghi nhận chi phí”.

Các khoản chi phí trả trước khác là chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các phí dịch vụ trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và tỷ lệ theo các quy định kế toán hiện hành

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) và các Công văn phê duyệt số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018, số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 02 năm 2022 và số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

Dự phòng phí được Công ty trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm, cụ thể như sau:
 - Đối với bảo hiểm hàng hóa, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí bảo hiểm gốc và nhận tái, phí bảo hiểm nhượng tái; và
 - Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí bảo hiểm gốc và nhận tái, phí bảo hiểm nhượng tái.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (“IBNR”), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 67, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe sinh mạng và thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thời hạn trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe khác có thời hạn trên 1 năm, dự phòng phí được áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm gốc và nhận tái, phí bảo hiểm nhượng tái.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ bằng 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu. Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn); và
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm trong đó thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm phát sinh. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận là “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng cho từng hợp đồng bảo hiểm và được kết chuyển vào doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần tại thời điểm cuối kỳ.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Theo quy định tại điểm d khoản 4, điều 50 nghị định 46/2023/NĐ-CP, các khoản giảm chi phát sinh trong kỳ liên quan tới dự phòng nghiệp vụ chỉ bao gồm trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ. Do vậy, Công ty ghi nhận và theo dõi trên sổ sách kế toán dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh tại thời điểm cuối năm trên tài khoản phí nhượng tái bảo hiểm với nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm sức khỏe. Tuy nhiên, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Công ty trình bày phần dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm sức khỏe phát sinh trong năm vào chỉ tiêu “Tăng/Giảm dự phòng phí nhượng tái” thay vì chỉ tiêu “Tổng phí nhượng tái bảo hiểm” nhằm đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Đối với các hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Theo quy định tại Điểm d Khoản 4, Điều 50 Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ, các khoản giảm chi phát sinh trong kỳ liên quan tới dự phòng nghiệp vụ chỉ bao gồm trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ. Do vậy, Công ty ghi nhận và theo dõi trên sổ sách kế toán dự phòng thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm phát sinh tại thời điểm cuối năm trên tài khoản thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm với nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm sức khỏe. Tuy nhiên, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Công ty trình bày phần dự phòng thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm sức khỏe phát sinh trong năm vào chỉ tiêu “Tăng/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái” thay vì chỉ tiêu “Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm” nhằm đảm bảo phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định khoản chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh tương ứng với phần người mua trả tiền trước, Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước và được phản ánh là “Chi phí trả trước” trên Báo cáo tài chính. Khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh này sẽ được ghi nhận là khoản chi phí phát sinh tương ứng với phần người mua trả tiền trước từ các năm trước được ghi nhận trong năm nay.

Chi phí hỗ trợ đại lý bán hàng được ghi nhận tương ứng với phần phí bảo hiểm gốc và được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với doanh thu phí được hưởng. Phần hỗ trợ bán hàng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các năm tiếp theo.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	199.310.338	564.283.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	438.470.464.704	257.402.962.861
Tiền đang chuyển	1.043.631.384	258.397.683
	<u>439.713.406.426</u>	<u>258.225.643.573</u>

- (i) Như trình bày ở Thuyết minh số 13, số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn trên Tài khoản USD mở tại Wooribank số 10273737963 trị giá 4 triệu USD được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	25.417.972.021	24.695.097.021	(722.875.000)	6.402.807.169	5.408.555.803	(994.336.502)
- Tổng giá trị cổ phiếu	25.417.972.021	24.695.097.021	(722.875.000)	6.402.807.169	5.408.555.803	(994.336.502)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	-	-	-	6.402.315.705	5.407.979.203	(994.336.502)
+ Công ty Cổ phần FPT	-	-	-	-	-	-
+ Cổ phiếu khác (i)	25.417.972.021	24.695.097.021	(722.875.000)	491.464	576.600	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.082.762.921.037	3.082.762.921.037	-	2.709.000.000.000	2.709.000.000.000	-
Ngắn hạn	1.883.262.191.800	1.883.262.191.800	-	2.539.000.000.000	2.539.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	1.883.262.191.800	1.883.262.191.800	-	2.539.000.000.000	2.539.000.000.000	-
Dài hạn	1.199.500.729.237	1.199.500.729.237	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	980.000.000.000	980.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
- Trái phiếu (iv)	219.500.729.237	219.500.729.237	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000	1.990.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000	1.990.000.000	-

- (i) Thể hiện các khoản đầu tư là chứng khoán kinh doanh theo hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư số 22/2025/HĐ-SSIAM-PC với Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM).
- (ii) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất trong khoảng 4,3 – 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,1 – 8,3%/năm). Trong đó, các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn với tổng giá trị là 460 tỷ VND được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 13)
- (iii) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất 6,5 - 8,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6,4-8,3%/năm).
- (iv) Thể hiện các khoản đầu tư là trái phiếu theo hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư số 22/2025/HĐ-SSIAM-PC với Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM).

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	314.122.360.470	140.561.966.210
+ Phải thu từ chủ hợp đồng	248.600.002.898	106.764.400.945
+ Phải thu từ đại lý, kênh khai thác khác	33.309.782.688	23.349.079.597
+ Phải thu từ doanh nghiệp bảo hiểm	32.212.574.884	10.448.485.668
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	19.979.898.778	11.913.462.640
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	155.138.909.462	343.786.364.931
Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	9.905.901.916	1.084.861.984
Phải thu khác	2.781.773.457	1.734.210.975
	501.928.844.083	499.080.866.740
b) Phải thu khác của khách hàng		
Phải thu về đầu tư cổ phiếu	-	2.238.933.300
+ Phải thu cổ tức Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	-	2.238.933.300
Phải thu trái phiếu Sông Đà Thăng Long	38.359.899.321	38.359.899.321
Phải thu khác của khách hàng	136.065.104	-
	38.495.964.425	40.598.832.621

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu tạm ứng	19.788.985.849	-	12.526.981.156	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	134.755.327	-	22.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi, trái phiếu	73.851.618.520	-	68.597.375.332	-
Phải thu khác	13.659.005.262	303.560.092	530.589.673	353.560.092
	107.434.364.958	303.560.092	81.676.946.161	353.560.092

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	45.132.596.780	2.949.499.142	42.183.097.638	41.654.913.771
+ Phải thu bảo hiểm gốc	5.601.287.962	2.505.105.748	3.096.182.214	2.737.643.220
+ Phải thu tái bảo hiểm	867.849.405	444.393.394	423.456.011	203.811.138
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	38.359.899.321	-	38.359.899.321	38.359.899.321
+ Phải thu khác	303.560.092	-	303.560.092	353.560.092

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	135.359.445.321	87.328.824.876
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.678.375.867	16.770.824.588
	156.037.821.188	104.099.649.464
b) Dài hạn		
Chi phí hoa hồng và kinh doanh chờ phân bổ (i)	53.191.984.524	68.993.975.294
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.702.023.366	5.938.547.822
Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	8.957.442.474	6.137.072.857
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.939.618.157	709.569.872
	75.791.068.521	81.779.165.845

- (i) Thể hiện khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh phát sinh từ hoạt động khai thác các hợp đồng bảo hiểm. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí trong các năm kế tiếp tương ứng doanh thu phí bảo hiểm ghi nhận vào khoản mục doanh thu phí bảo hiểm trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	5.821.411.775	7.273.421.100	13.094.832.875
Mua sắm mới	2.368.568.000	486.640.000	2.855.208.000
Thanh lý, nhượng bán	(837.062.727)	(714.708.091)	(1.551.770.818)
Số dư cuối năm	7.352.917.048	7.045.353.009	14.398.270.057
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.784.048.191	6.042.274.706	10.826.322.897
Khấu hao trong năm	479.214.814	461.459.284	940.674.098
Thanh lý, nhượng bán	(837.062.727)	(714.708.091)	(1.551.770.818)
Số dư cuối năm	4.426.200.278	5.789.025.899	10.215.226.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.037.363.584	1.231.146.394	2.268.509.978
Tại ngày cuối năm	2.926.716.770	1.256.327.110	4.183.043.880

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 7.988.602.158 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.321.091.118 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	7.171.964.959	7.171.964.959
Mua sắm mới	-	-
Số dư cuối năm	7.171.964.959	7.171.964.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	4.829.967.251	4.829.967.251
Khấu hao trong năm	1.210.000.988	1.210.000.988
Số dư cuối năm	6.039.968.239	6.039.968.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	2.341.997.708	2.341.997.708
Tại ngày cuối năm	1.131.996.720	1.131.996.720

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 2.238.104.959 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 661.309.000 VND).

13. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (i)	200.000.000.000	489.000.000.000	400.000.000.000	289.000.000.000
	200.000.000.000	489.000.000.000	400.000.000.000	289.000.000.000

- (i) Thể hiện khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VN1250002178/WBVN102 ký ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Hợp đồng số VN125014290/WBVN102 ký ngày 22 tháng 12 năm 2025. Hai hợp đồng vay có tổng hạn mức 289.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 12 tháng, lãi suất điều chỉnh theo từng lần vay. Các khoản vay được đảm bảo bằng 460.000.000.000 VND tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cùng với số dư tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản USD mở tại Wooribank trị giá 4.000.000 USD (Thuyết minh số 5 và 6)

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	432.768.699.549	571.841.984.373
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	11.263.178.544	7.908.008.738
Phải trả bồi thường bảo hiểm	16.607.131.614	13.301.624.923
Phải trả hoa hồng, môi giới bảo hiểm	27.665.428.717	22.131.794.720
Phải trả chi phí dịch vụ khai thác bảo hiểm	64.628.913.709	29.067.966.053
Phải trả nhận tái, khác	17.774.533.480	2.410.087.087
	570.707.885.613	646.661.465.894

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán nội địa	16.676.332.498	363.302.861.957	315.033.374.537	64.945.819.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.102.097	7.999.904.787	3.222.239.940	7.858.766.944
Thuế thu nhập cá nhân	1.411.330.052	19.478.741.351	18.951.276.710	1.938.794.693
Thuế, phí phải nộp khác	1.545.413	1.719.476.791	1.462.301.274	258.720.930
	21.170.310.060	392.500.984.886	338.669.192.461	75.002.102.485

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	92.703.862.451	149.033.442.672
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	109.076.416.137	86.477.926.076
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(91.422.067.374)	(142.807.506.297)
Số dư cuối năm	110.358.211.214	92.703.862.451
b) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	2.586.629.064	1.314.422.943
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	162.218.193	365.905.602
Phải trả về cổ tức	3.517.095.769	3.519.085.419
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.100.710.819	15.223.182.144
	22.366.653.845	20.422.596.108

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	VND
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng				
1. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	2.198.618.231.805	786.221.895.024	1.412.396.336.781	511.193.292.062
2. Dự phòng bồi thường	1.053.447.628.929	616.914.918.305	436.532.710.624	779.313.304.556
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	987.620.428.757	593.314.060.748	394.306.368.009	759.539.155.874
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	65.827.200.172	23.600.857.557	42.226.342.615	19.774.148.682
Cộng	3.252.065.860.734	1.403.136.813.329	1.848.929.047.405	1.290.506.596.618
				1.338.024.147.068

Trong đó chi tiết:

	Năm nay		Năm trước	
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	VND
1. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học				
Số dư đầu năm	1.507.239.388.714	511.193.292.062	996.046.096.652	757.203.789.469
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	691.378.843.091	275.028.602.962	163.900.012.221	238.842.307.183
Số dư cuối năm	2.198.618.231.805	786.221.895.024	1.160.046.108.873	996.046.096.652

	Năm nay		Năm trước	
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm
	VND	VND	VND	VND
2. Dự phòng bồi thường				
Số dư đầu năm	1.121.291.354.972	779.313.304.556	466.673.061.163	213.180.036.916
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	(67.843.726.043)	(162.398.386.251)	654.618.293.809	128.798.013.500
Số dư cuối năm	1.053.447.628.929	616.914.918.305	1.121.291.354.972	341.978.050.416

Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	114.132.279.543	118.655.912.884
Số trích lập thêm trong năm	27.507.093.346	19.476.366.659
Số sử dụng trong năm	(34.000.000.000)	(24.000.000.000)
Số dư cuối năm	107.639.372.889	114.132.279.543

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số dư đầu năm	1.000.000.000.000	15.339.966.939	81.592.242.263	1.096.932.209.202
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.532.622.044	11.532.622.044
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	576.631.102	(576.631.102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(392.242.263)	(392.242.263)
Số dư cuối năm	1.000.000.000.000	15.916.598.041	92.155.990.942	1.108.072.588.983
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Số dư đầu năm	1.000.000.000.000	15.916.598.041	92.155.990.942	1.108.072.588.983
Lợi nhuận trong năm	-	-	32.898.652.621	32.898.652.621
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	1.644.932.631	(1.644.932.631)	-
Số dư cuối năm	1.000.000.000.000	17.561.530.672	123.409.710.932	1.140.971.241.604

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ bằng 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 54, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cụ thể như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Công ty DB Insurance Co., Ltd	750.000.000.000	75
Các cổ đông khác	250.000.000.000	25
	1.000.000.000.000	100

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí bảo hiểm gốc	4.186.434.473.525	2.897.995.523.599
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	140.297.513.107	87.903.462.179
Bảo hiểm thân tàu và P&I	99.410.341.363	82.856.776.571
Bảo hiểm hàng hóa	116.895.033.498	100.802.495.999
Bảo hiểm con người	736.207.536.747	547.950.612.731
Bảo hiểm xe cơ giới	2.627.319.024.862	1.806.215.113.662
Bảo hiểm cháy	359.807.853.611	242.205.936.034
Bảo hiểm hàng không	59.087.067.269	63.130.275
Bảo hiểm trách nhiệm chung	37.721.698.939	23.808.652.173
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	9.688.404.129	6.189.343.975
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(4.798.531.662)	(3.101.135.655)
Phí nhận tái bảo hiểm	79.907.583.980	63.330.772.677
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	43.269.875.341	29.718.326.330
Bảo hiểm thân tàu và P&I	3.524.798.152	727.821.628
Bảo hiểm hàng hóa	48.726.477	72.681.195
Bảo hiểm con người	855.396.325	13.192.803.596
Bảo hiểm xe cơ giới	45.696.388	4.020.812.050
Bảo hiểm cháy	31.062.045.935	13.921.472.749
Bảo hiểm hàng không	253.143.450	165.582.543
Bảo hiểm trách nhiệm chung	597.031.334	1.120.563.874
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	250.870.578	390.708.712
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(109.224.656)	(134.079.494)
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(691.378.843.091)	(163.900.012.221)
	3.570.055.458.096	2.794.191.068.906

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.527.841.130.518	1.010.454.415.251
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	84.151.723.203	45.672.040.447
Bảo hiểm thân tàu và P&I	66.269.540.932	59.439.091.540
Bảo hiểm hàng hóa	19.613.211.039	19.570.100.852
Bảo hiểm con người	451.754.586.990	321.171.660.529
Bảo hiểm xe cơ giới	615.434.377.826	373.938.065.353
Bảo hiểm cháy	258.865.568.431	179.006.941.615
Bảo hiểm hàng không	17.461.452.554	(56.163.344)
Bảo hiểm trách nhiệm chung	6.865.644.448	6.047.233.977
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	7.425.025.095	5.665.444.282
Giảm/(tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (*)	(275.028.602.962)	74.942.294.962
Trong đó:		
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	(65.291.463.231)	(48.584.450.839)
Nghịệp vụ bảo hiểm khác	(209.737.139.731)	123.526.745.801
	1.252.812.527.556	1.085.396.710.213

(*) Phí nhượng tái bảo hiểm loại hình sức khỏe không bao gồm phần dự phòng tăng, giảm phí nhượng tái bảo hiểm do đã được trình bày tại chỉ tiêu (tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm như đã trình bày tại chính sách kế toán ghi nhận doanh thu

21. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm phát sinh	255.679.224.705	268.510.699.558
Hoàn hoa hồng nhượng TBH	(6.055.512.273)	(88.653.325.728)
(Tăng)/Giảm hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	(17.654.348.763)	56.329.580.221
	231.969.363.669	236.186.954.051

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	1.455.495.942.595	1.053.524.236.657
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	79.588.655.503	23.545.191.598
Bảo hiểm thân tàu và P&I	102.652.442.626	30.238.389.272
Bảo hiểm hàng hóa	25.264.021.485	14.637.138.787
Bảo hiểm con người	141.430.026.022	131.836.638.677
Bảo hiểm xe cơ giới	875.408.143.736	826.147.731.044
Bảo hiểm cháy	227.335.690.195	25.787.317.790
Bảo hiểm hàng không	644.444.400	70.281.730
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.146.794.083	1.236.294.039
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1.025.724.545	25.253.720
Các khoản thu giảm chi	(9.927.479.803)	(4.962.493.761)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(539.693.763.295)	(383.926.644.837)
(Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(67.843.726.043)	654.618.293.809
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	162.398.386.251	(525.820.280.309)
	1.000.429.359.705	793.433.111.559

23. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	214.919.565.981	152.924.187.273
Chi phí khai thác bảo hiểm	728.107.482.510	793.705.556.168
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	97.414.892	33.556.773
Chi trả khác cho đại lý bảo hiểm	107.890.141.377	81.679.394.736
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1.814.862.666	1.343.158.595
Chi khác	721.809.373.773	354.935.431.194
	1.774.638.841.199	1.384.621.284.739

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	164.465.454.162	147.931.055.703
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.054.404.510	1.723.016.532
Thu nhập từ hợp đồng ủy thác đầu tư	3.798.019.457	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	90.780.000
	171.337.878.129	149.744.852.235

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.750.883.204	607.220.409
Chiết khấu thanh toán	3.583.847.907	1.757.741.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.528.496.742	3.019.120.703
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(271.461.502)	(1.677.425.536)
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.477.658.216	2.321.686
	18.069.424.567	3.708.978.574

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp theo khoản mục		
Chi phí nhân viên	308.951.778.044	219.130.969.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.249.893.845	9.267.910.023
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.150.675.086	2.674.412.980
Thuế, phí và lệ phí	5.620.296.462	2.283.444.082
Trích lập chi phí dự phòng	454.354.224	1.503.530.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.451.103.424	76.046.650.360
Chi phí khác bằng tiền	4.426.736.716	1.880.813.864
	445.304.837.801	312.787.731.772
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp theo hoạt động kinh doanh		
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm	435.380.880.876	305.482.609.735
Hoạt động tài chính	9.859.765.621	7.255.564.345
Hoạt động khác	64.191.304	49.557.692
	445.304.837.801	312.787.731.772

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.061.274.229.916	1.831.341.703.638
Chi phí nhân viên	771.029.591.373	479.435.678.811
Chi phí văn phòng	20.022.823.095	18.385.414.096
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.150.675.086	2.674.412.980
Thuế, phí và lệ phí	22.631.834.022	13.054.458.182
Trích lập chi phí dự phòng	468.799.224	1.503.530.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.195.723.870	122.863.473.372
Chi phí khác bằng tiền	63.106.455.465	17.059.822.966
	3.213.880.132.051	2.486.318.494.729

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.999.904.787	2.420.849.495
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	1563.20.697
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.999.904.787	3.984.090.192

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm ước tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	40.898.557.408	15.516.712.236
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.173.873.502)	(5.295.700.664)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	(3.153.873.502)	(338.367.399)
- Điều chỉnh các khoản hoàn nhập chi phí đã tính thuế TNDN	-	(4.866.553.265)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(90.780.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.274.840.031	1.883.235.905
Thu nhập chịu thuế	39.999.523.937	12.104.247.477
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.999.904.787	2.420.849.495
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	1.563.240.697
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.999.904.787	3.984.090.192

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	32.898.652.621	11.532.622.044
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	32.898.652.621	11.532.622.044
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	329	115

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có quyết định chính thức của Đại hội đồng Cổ đông về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025. Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 là tạm tính và sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định phê duyệt chính thức của Đại hội đồng Cổ đông.

30. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	920.267.410.808	767.641.937.268
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.140.971.241.604	1.108.072.588.983
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	87.600.206.086	248.744.017.816
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	133.103.624.710	91.686.633.899
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	683.398.292.667	486.909.166.469
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	683.398.292.667	486.909.166.469
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	532.679.287.648	369.761.385.141
III. So sánh (I) và (II) Theo số tuyệt đối	236.869.118.141	280.732.770.799
Theo tỷ lệ phần trăm	134,66%	157,66%

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ bắt buộc và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	289.000.000.000	200.000.000.000
Trừ: Tiền	439.713.406.426	258.225.643.573
Vốn chủ sở hữu	1.140.971.241.604	1.108.072.588.983
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 13.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	439.713.406.426	439.713.406.426	258.225.643.573	258.225.643.573
Phải thu khách hàng và phải thu khác	585.887.089.979	585.887.089.979	567.174.750.595	567.174.750.595
Đầu tư ngắn hạn	1.907.957.288.821	1.907.957.288.821	2.544.408.470.667	2.544.408.555.803
Đầu tư dài hạn	1.201.490.729.237	1.201.490.729.237	171.990.000.000	171.990.000.000
	4.135.048.514.463	4.135.048.514.463	3.541.798.864.835	3.541.798.949.971
Công nợ tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	289.000.000.000	289.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	601.433.674.908	601.433.674.908	706.430.379.508	706.430.379.508
Chi phí phải trả	2.176.503.881	2.176.503.881	1.335.890.110	1.335.890.110
	892.610.178.789	892.610.178.789	907.766.269.618	907.766.269.618

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6

- Giá trị hợp lý của các khoản ngắn hạn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn hoặc không xác định.

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của

công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền	439.713.406.426	-	439.713.406.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	585.887.089.979	-	585.887.089.979
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.907.957.288.821	-	1.907.957.288.821
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.201.490.729.237	1.201.490.729.237
	2.933.557.785.226	1.201.490.729.237	4.135.048.514.463
Số cuối năm			
Các khoản vay	289.000.000.000	-	289.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	601.433.674.908	-	601.433.674.908
Chi phí phải trả	2.176.503.881	-	2.176.503.881
	892.610.178.789	-	892.610.178.789
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.040.947.606.437	1.201.490.729.237	3.242.438.335.674
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền	258.225.643.573	-	258.225.643.573
Phải thu khách hàng và phải thu khác	567.174.750.595	-	567.174.750.595
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.544.408.470.667	-	2.544.408.470.667
Đầu tư tài chính dài hạn	-	171.990.000.000	171.990.000.000
	3.369.808.864.835	171.990.000.000	3.541.798.864.835
Số đầu năm			
Các khoản vay	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	706.430.379.508	-	706.430.379.508
Chi phí phải trả	1.335.890.110	-	1.335.890.110
	907.766.269.618	-	907.766.269.618
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.462.042.595.217	171.990.000.000	2.634.032.595.217

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, Công ty đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Công ty đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm cũng như các khu vực khai thác khác nhau để giảm thiểu rủi ro tích tụ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng các tiêu chí khác nhau trong việc lựa chọn rủi ro, thực hiện nhiều biện pháp khác nhau trong việc đánh giá rủi ro để xây dựng mức phí phù hợp. Công ty không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ trực lợi cao.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thống kê về tổn thất trong quá khứ và dự báo xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn lại phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường; và
- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất tăng nhưng vẫn ở trong mức chấp nhận và vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm. Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, đồng thời tận dụng được luồng tiền thu được từ phí bảo hiểm để phục vụ cho hoạt động đầu tư.

Công ty cũng thực hiện một cách triệt để, chặt chẽ các biện pháp để chuyển giao rủi ro bảo hiểm với các công ty bảo hiểm khác nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra nhưng cũng đảm bảo mục tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm và đồng bảo hiểm một cách hợp lý.

Công ty luôn thực hiện chủ trương đẩy nhanh tốc độ giám định tổn thất và giải quyết bồi thường để hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định bồi thường như: rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát, rủi ro tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức... Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường tại Công ty được thực hiện theo 02 cấp độ khác nhau phụ thuộc vào mức độ phức tạp và tính chất của tổn thất:

- Đối với những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được giám định tổn thất và xử lý bồi thường tập trung tại văn phòng Công ty;
- Đối với những vụ tổn thất nhỏ tại khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thuộc loại hình bảo hiểm xe cơ giới sẽ được xử lý tại Văn phòng đại diện Chăm sóc khách hàng và Giám định xe cơ giới miền Bắc và miền Nam; đối với những vụ tổn thất nhỏ loại hình xe cơ giới tại các khu vực còn lại và các loại hình khác mà các công ty thành viên đã có kinh nghiệm, có đủ nguồn lực để thực hiện sẽ được xử lý tại các công ty thành viên.

32. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
DB Insurance Co., Ltd.	Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
DB Insurance Co., Ltd.		
Phí nhượng tái bảo hiểm	7.455.360.357	158.481.224
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	1.935.723.226	40.837.086
Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	34.113.697.455	32.665.689.245
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	7.406.394.783	2.504.279.464
Phí nhượng tái bảo hiểm	5.374.406.135	4.790.965.878
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	1.244.667.711	1.139.194.195
Doanh thu khác từ hoạt động bảo hiểm gốc	48.879.387	28.653.180
Thu bồi thường nhượng tái	154.605.972	327.677.308
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	1.760.211.340	600.430.690
Chi bồi thường nhận tái	54.563.470	102.112.000
Chi phí quản lý đồng bảo hiểm	73.862.842	440.763.186
Công ty Bảo hiểm Bưu điện		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	2.312.958.884	3.572.212.170
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	71.244.996	7.688.501
Phí nhượng tái bảo hiểm	179.215.404	60.455.047
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	27.260.304	9.446.257
Doanh thu khác từ hoạt động bảo hiểm gốc	22.733.732	968.309
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	17.580.594	1.845.240
Chi phí quản lý đồng bảo hiểm	2.606.503	10.689.756
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.333.997	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
DB Insurance Co., Ltd.		
Các khoản phải trả	5.635.426.548	117.644.138
Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội		
Các khoản phải thu	4.281.367.933	2.207.830.875
Các khoản phải trả	3.453.549.330	5.399.568.203
Công ty Bảo hiểm Bưu điện		
Các khoản phải thu	-	332.736.143
Các khoản phải trả	172.633.165	399.987.059
	7.907.550.428	8.340.122.280

Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>		
Ông Lê Tuấn Dũng	2.297.532.000	1.895.758.083
Ông Đoàn Kiên (từ ngày 28 tháng 8 năm 2025)	695.482.401	-
Ông Nghiêm Xuân Thái	2.090.400.000	1.982.050.000
Bà Nguyễn Diệu Trinh	159.999.996	106.666.665
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Bà Tào Thị Thanh Hoa	1.175.700.000	1.372.905.441
Ông Phạm Huy Khiêm	1.175.700.000	1.086.028.295
Ông Ngô Hồng Khoa	1.175.700.000	1.412.937.512
Ông Lê Mạnh Cường (đến ngày 15 tháng 6 năm 2025)	316.205.100	714.237.918
Ông Vũ Đức Trung (từ ngày 21 tháng 7 năm 2025)	453.415.336	-
<u>Ban Kiểm soát</u>		
Bà Cao Thu Hiền	770.400.000	640.409.900
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền (đến ngày 28 tháng 8 năm 2025)	62.222.224	341.020.164
Ông Ngô Hồng Minh (từ ngày 28 tháng 8 năm 2025)	31.111.112	31.111.111
Bà Phạm Thu Lan (từ ngày 28 tháng 8 năm 2025)	31.111.112	-

33. TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2021 VND	2022 VND	2023 VND	2024 VND	2025 VND	Số ước tính/Số đã chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại VND
Số ước tính chi bồi thường						
Vào cuối năm tổn thất	734.752.753.684	720.209.410.898	712.140.704.378	709.364.434.253	707.090.571.483	707.090.571.483
1 năm sau	1.136.170.450.336	1.158.639.210.964	1.143.569.106.022	1.132.672.978.514	-	1.132.672.978.514
2 năm sau	964.219.470.827	1.009.237.405.163	998.476.910.229	-	-	998.476.910.229
3 năm sau	1.686.559.262.361	1.609.396.237.177	-	-	-	1.609.396.237.177
4 năm sau	1.494.200.143.515	-	-	-	-	1.494.200.143.515
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	1.494.200.143.515	1.609.396.237.177	998.476.910.229	1.132.672.978.514	707.090.571.483	5.941.836.840.918
Số đã chi trả bồi thường lũy kế						
Vào cuối năm tổn thất	488.711.291.018	666.494.807.605	686.671.830.814	693.399.419.083	702.409.572.760	702.409.572.760
1 năm sau	766.504.847.779	1.067.192.274.550	1.107.398.167.396	1.116.499.348.309	-	1.116.499.348.309
2 năm sau	752.560.081.808	951.953.318.290	978.994.231.511	-	-	978.994.231.511
3 năm sau	788.404.619.126	1.311.228.855.627	-	-	-	1.311.228.855.627
4 năm sau	878.555.988.009	-	-	-	-	878.555.988.009
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	878.555.988.009	1.311.228.855.627	978.994.231.511	1.116.499.348.309	702.409.572.760	4.987.687.996.216
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	615.644.155.506	298.167.381.550	19.482.678.718	16.173.630.205	4.680.998.723	954.148.844.702
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các tổn thất từ năm 2020 trở về trước và phí giám định chưa giải quyết						33.471.584.055
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm						987.620.428.757



33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Khoản thực chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 817.740.000 VND, là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp từ đầu năm.



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

